TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2020
V/v: Ly hôn giữa anh V và chị Ng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Bà Huỳnh Phương Lan

Thư ký phiên toà: Ông Lý Văn Toán – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Hoàng V, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Chị Lê Mỹ Ng, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Hoàng V trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2003, anh Trương Hoàng V và chị Lê Mỹ Ng quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh V và chị Ng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh V yêu cầu được ly hôn với chị Ng và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh V và chị Ng có hai người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 19-02-2005 và Trương Đan H, sinh ngày 31-8-2011; anh V đồng ý giao hai con chung cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con 1.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Lê Mỹ Ng trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa:*

Chị Ng thống nhất với lời trình bày của anh V về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có là đúng.

Nay anh V xin ly hôn, chị Ngân cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 19-02-2005 và Trương Đan H, sinh ngày 31-8-2011, anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con 1.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị đồng ý nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 04-8-2020 anh Trương Hoàng V có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Lê Mỹ Ng. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Hoàng V và chị Lê Mỹ Ng chung sống với nhau vào năm 2003 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó, không công nhận anh Trương Hoàng V và chị Lê Mỹ Ng là vợ chồng là phù hợp pháp luật.

[3] *Về việc nuôi con chung:* Anh Trương Hoàng V và chị Lê Mỹ Ng có hai người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 19-02-2005 và Trương Đan H, sinh ngày 31-8-2011; anh V và chị Ng thống nhất thỏa thuận giao cháu Gia H và cháu Đan H cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Gia H và cháu Đan H), anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con 1.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con giữa anh V và chị Ng.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Trương Hoàng V và chị Lê Mỹ Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Anh Trương Hoàng V là nguyên đơn trong vụ án, do đó anh V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Anh V và chị Ng thỏa thuận được với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con trước khi mở phiên tòa nên anh V phải chịu 50% án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng. Tổng cộng các loại án phí anh V phải chịu là 450.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trương Hoàng V và chị Lê Mỹ Ng.

2. Về con chung: Anh Trương Hoàng V và chị Lê Mỹ Ng có hai người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 19-02-2005 và Trương Đan H, sinh ngày 31-8-2011; anh V và chị Ng thống nhất thỏa thuận giao cháu Gia H và cháu Đan H cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ ngày xét xử sơ thẩm (04-9-2020) cho đến khi cháu Gia H và cháu Đan H đủ 18 tuổi.

Hai bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang hoặc trực tiếp giao nhận.

Kể từ ngày chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh V không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo thoả thuận trên thì anh V còn phải trả cho chị Ng khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Anh Trương Hoàng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trương Hoàng V và chị Lê Mỹ Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trương Hoàng V phải nộp 450.000 đồng nhưng anh V được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006490 ngày 06-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh V còn phải nộp thêm 150.000 đồng.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Anh Trương Hoàng V và chị Lê Mỹ Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân